

Số: 114/2022/QĐST- KDTM

Đông Anh, ngày 17 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 262/2021/TLST- KDTM ngày 10 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng X.

Trụ sở chính: Số xx phố LH, phường TC, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng Giám đốc theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100686xxx do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/02/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17/02/2021.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trịnh Xuân L - Giám đốc Ngân hàng X - Chi nhánh ĐA, là đại diện uỷ quyền theo Quyết định số 2965/QĐ-NHX-PC

ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng X về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án.

Người được ủy quyền lại tham gia quá trình tố tụng:

1. Ông Trần Văn M - Phó giám đốc Ngân hàng X – Chi nhánh ĐA (Theo Quyết định ủy quyền lại về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 55/QĐ-NHX.ĐA-TH ngày 19/02/2021 của Giám đốc X Chi nhánh ĐA).

2. Bà Trần Thị Đ - Giám đốc Phòng giao dịch NH thuộc Ngân hàng X – Chi nhánh ĐA (Theo Giấy ủy quyền số 1257/UQ-NHX.ĐA ngày 08/12/2021 của Giám đốc X Chi nhánh ĐA).

Bị đơn: Anh Đào Văn V, sinh năm 1979.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn MT, xã CL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đào Văn V1, sinh năm 1956.

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1957.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đào Văn V1, bà Nguyễn Thị D: Anh Đào Văn V, sinh năm 1979; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn MT, xã CL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (Có lời khai ủy quyền).

3. Bà Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1980.

4. Anh Đào Xuân C, sinh năm 1987.

5. Chị Cao Thị Thu H, sinh năm 1989.

6. Cháu Đào Thu T1, sinh năm 2008 (con anh Chiến, chị Hà).

7. Cháu Đào Hải N, sinh năm 2011 (con anh Chiến, chị Hà).

8. Cháu Đào Đức A, sinh năm 2014 (con anh Chiến, chị Hà).

Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn MT, xã CL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của các cháu T1, cháu N1 và cháu Đức A là bố mẹ đẻ của các cháu: Anh Đào Xuân C, sinh năm 1987; Chị Cao Thị Thu H, sinh năm 1989; Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn MT, xã CL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

9. Anh Cao Văn T2, sinh năm 1991.

Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn MT, xã CL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Cao Văn T2: Ông Đào Văn V1, sinh năm 1956; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn MT, xã CL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (Có lời khai ủy quyền).

10. Anh Đỗ Minh P, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn DT 1, xã DT, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đỗ Minh P: Ông Đào Văn V1, sinh năm 1956; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn MT, xã CL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (Có lời khai ủy quyền).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngày 17/07/2019, Ngân hàng – Chi nhánh ĐA – Phòng Giao dịch NH (gọi tắt là “X Chi nhánh ĐA”) và anh Đào Văn V ký Hợp đồng tín dụng số **3140- LAV- 201904047** với một số nội dung chính như sau:

- Mức dư nợ cao nhất: 2.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ đồng).
- Thời hạn hiệu lực cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng.
- Mục đích vay vốn: Kinh doanh xe ô tô cũ.
- Phương thức áp dụng lãi suất: cố định hoặc điều chỉnh.
- Thời hạn cho vay: 06 tháng, kể từ ngày 17/07/2019, kỳ hạn trả nợ: theo hợp đồng tín dụng.
- Mức lãi suất cho vay: 9,5%/năm.
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn đã thỏa thuận.

Ngày 26/11/2019 X Chi nhánh ĐA và anh Đào Văn V ký Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ về việc gia hạn nợ gốc, lãi cho khách hàng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đối với thửa đất số 65, 68, tờ bản đồ số 50 tại địa chỉ: Thôn MT, xã CL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **AN 440298** do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 12/06/2009 mang tên bà Nguyễn Thị D theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7xx/2017/HĐTC, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/11/2017 do Văn phòng Công chứng An Thành Đạt lập, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Thực hiện theo đúng thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số 3140- LAV- 201904047 X Chi nhánh ĐA đã giải ngân cho anh Đào Văn V đủ số tiền vay theo

thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và khoản vay này đã chuyển nợ xấu và áp dụng lãi suất quá hạn.

Các đương sự thống nhất xác định: Tính đến hết ngày 09/6/2022, tổng số tiền anh V còn nợ Ngân hàng X là: **2.628.520.260** đồng (Hai tỷ, sáu trăm hai mươi tám triệu, năm trăm hai mươi nghìn, hai trăm sáu mươi đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 502.380.822 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 126.139.438 đồng.

Anh Đào Văn V có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng khoản tiền nợ của anh với Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2019.04047 ngày 17/7/2019; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 26/11/2019, tính đến hết ngày **09/6/2022 là: 2.628.520.260** đồng (Hai tỷ, sáu trăm hai mươi tám triệu, năm trăm hai mươi nghìn, hai trăm sáu mươi đồng) và tiếp tục chịu lãi kể từ ngày **10/6/2022** theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2019.04047 ngày 17/7/2019; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 26/11/2019 trên số nợ gốc còn lại cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ với Ngân hàng X.

Thời hạn thanh toán khoản nợ trên chậm nhất là ngày 30/9/2022. Nếu sau ngày 30/9/2022 mà anh V không thanh toán hoặc không thanh toán đủ số nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đối với thửa đất số 65, 68, tờ bản đồ số 50 tại địa chỉ: Thôn MT, xã CL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **AN 440298** do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 12/06/2009 mang tên bà Nguyễn Thị D theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7xx/2017/HĐTC, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/11/2017 do Văn phòng Công chứng An Thành Đạt lập. Việc xử lý tài sản để thu hồi nợ thực hiện theo quy định chung của pháp luật.

Về tài sản thế chấp cho Ngân hàng: Trên thửa đất thế chấp cho Ngân hàng, năm 2019 vợ chồng em trai anh V là anh C đã xây dựng nhà và các công trình trên một phần hai thửa đất mà ông V1, bà D đã thế chấp cho Ngân hàng bảo đảm cho khoản vay của anh V, khi xây dựng không thông báo hoặc có thỏa thuận gì

khác với Ngân hàng. Do vậy, các đương sự thống nhất xác định các tài sản gắn liền trên đất đều thuộc tài sản thế chấp và nếu anh V không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền phát mại toàn bộ tài sản mà ông V1, bà D đã thế chấp cho Ngân hàng bao gồm cả tài sản hiện có trên đất. Việc cho nhau xây dựng các công trình trên phần đất đã thế chấp, ông V1, bà D và các con ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết mà tự giải quyết với nhau.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 84.570.405 đồng (Tám mươi tư triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, bốn trăm linh năm đồng) nhưng do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên chỉ phải chịu $1/2 = 42.285.202$ đồng (Bốn mươi hai triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm linh hai đồng) tiền án phí. Các đương sự thống nhất để anh Đào Văn V chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự để anh Đào Văn V chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Anh Đào Văn V phải nộp 42.285.202 đồng (Bốn mươi hai triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm linh hai đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng X không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền 40.712.000 đồng (Bốn mươi triệu, bảy trăm mười hai nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0045xxx ngày 08/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thu Thanh